

# Báo cáo thị trường tiền tệ

## NHNN đảo chiều bơm ròng thanh khoản, USDVND lụi dưới mốc 26,000

### NHNN đảo chiều bơm ròng thanh khoản

Trong tuần 39/2026, NHNN đã đảo chiều sang trạng thái bơm ròng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng qua kênh OMO, chấm dứt chuỗi hai tuần hút ròng liên tiếp trước đó. Cụ thể, NHNN đã phát hành 67.58 nghìn tỷ đồng qua các hợp đồng repo mới trong khi có 27.73 nghìn tỷ đồng kỳ hạn cũ đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng thanh khoản đáng kể 39.85 nghìn tỷ đồng.

### Lãi suất liên ngân hàng phân hóa

Trong tuần 39/2026, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận diễn biến trái chiều trên toàn bộ đường cong lợi suất. Ở các kỳ hạn siêu ngắn, lãi suất qua đêm, 2 tuần và 3 tháng giảm lần lượt 405 đcb, 30 đcb và 20 đcb WoW xuống còn 0.60%, 5.25% và 7.40%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 1 tuần và 1 tháng tăng lần lượt 20 đcb và 25 đcb lên mức 4.80% và 6.20%, trong khi các kỳ hạn khác duy trì không đổi so với tuần trước. Song song với đó, hoạt động thị trường hạ nhiệt khi giá trị giao dịch bình quân ngày thu hẹp 4.37% WoW xuống còn 906.11 nghìn tỷ đồng.

### Tỷ giá USDVND hạ nhiệt

Trong tuần 39/2026, tỷ giá USDVND trong nước lụi về dưới ngưỡng quan trọng 26,000, phân kỳ với đà tăng giá của đồng USD trên thị trường quốc tế vốn được thúc đẩy bởi tín hiệu chính sách thắt chặt của Fed và lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ neo cao. Tại thị trường trong nước, tỷ giá chịu áp lực tăng trong tuần do thanh khoản tiền đồng mở rộng sau các biện pháp hỗ trợ của NHNN, cùng với áp lực bán ròng liên tục của khối ngoại trên thị trường cổ phiếu. Tuy nhiên, mức chênh lệch lãi suất VND-USD dương đáng kể đã củng cố sức hấp dẫn kinh doanh chênh lệch lãi suất của đồng nội tệ, qua đó bù đắp nhu cầu ngoại tệ và kéo tỷ giá hạ nhiệt tuần..

### Chỉ số kinh tế Việt Nam

|                             | T3-26 | T4-26 | T5-26 | T6-26 | T7-26 | T8-26 | Corr. |
|-----------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| FDI %n/n                    | 9.3   | 11.9  | 8.8   | 16.3  | 15.4  | 13.9  | -0.16 |
| Tổng mức bán lẻ %n/n        | 11.5  | 11.6  | 13.8  | 14.3  | 14.5  | 14.9  | -0.16 |
| Xuất khẩu %n/n              | 20.6  | 22.8  | 18.5  | 28.1  | 25.0  | 26.0  | -0.05 |
| Nhập khẩu %n/n              | 27.8  | 35.6  | 33.5  | 45.2  | 41.4  | 37.9  | 0.04  |
| Cán cân thương mại (Tỷ USD) | -0.7  | -4.0  | -5.2  | -2.6  | -3.6  | -0.1  | -0.03 |
| Chỉ số giá tiêu dùng %t/t   | 4.7   | 5.5   | 5.6   | 4.7   | 4.4   | 4.9   | -0.03 |
| Tín dụng %n/n               | 3.2   | 4.6   | 6.0   | 7.7   | 8.4   | 9.4   | -0.23 |
| USDVND %t/t                 | 1.2   | 0.0   | -0.2  | 0.0   | -0.1  | -0.8  | -0.3  |
| PMI(Điểm)                   | 51.2  | 50.5  | 52.8  | 51.8  | 52.9  | 53.3  | -0.09 |
| VNINDEX %t/t                | -10.9 | 10.7  | 0.5   | -0.2  | -6.7  | 5.6   | 1.00  |

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

<sup>1</sup> Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;  
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

### Nội dung

|                                                         |   |
|---------------------------------------------------------|---|
| I. NHNN đảo chiều bơm ròng thanh khoản .....            | 1 |
| II. Lãi suất liên ngân hàng phân hóa .....              | 3 |
| III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ duy trì ổn định..... | 4 |
| IV. Tỷ giá USDVND hạ nhiệt .....                        | 7 |
| Thống kê vĩ mô .....                                    | 9 |

**Research Dept.**

researchdept@kisvn.vn

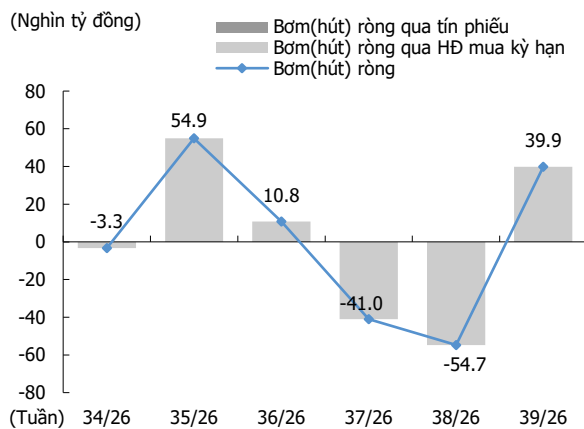
# I. NHNN đảo chiều bơm ròng thanh khoản

**NHNN chuyển sang bơm ròng thanh khoản qua kênh OMO sau hai tuần hút ròng liên tiếp**

Trong tuần 39/2026 (từ ngày 21 đến 25 tháng 9), NHNN đã đảo chiều sang trạng thái bơm ròng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng qua kênh nghiệp vụ thị trường mở, chấm dứt chuỗi hai tuần hút ròng liên tiếp trước đó. Cụ thể, NHNN đã phát hành 67.58 nghìn tỷ đồng qua các hợp đồng kỳ hạn mới trong khi có 27.73 nghìn tỷ đồng kỳ hạn cũ đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng thanh khoản đáng kể 39.85 nghìn tỷ đồng.

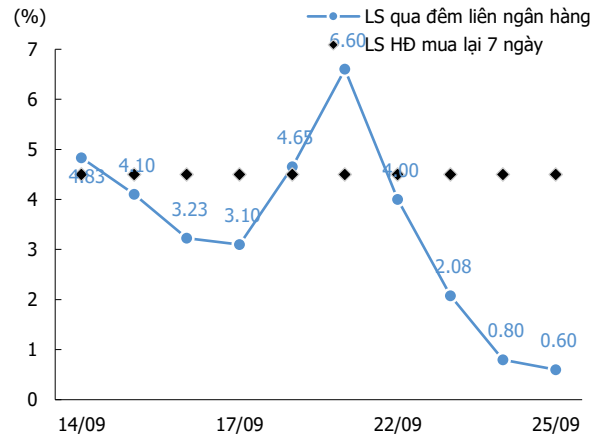
Quy mô bơm ròng lớn này thể hiện phản ứng chính sách kịp thời của ngân hàng trung ương nhằm giải tỏa áp lực vốn tạm thời và ổn định các điều kiện thị trường tiền tệ. Hướng về phía trước, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì lập trường OMO linh hoạt, cân bằng giữa việc hỗ trợ thanh khoản và duy trì kỷ luật tiền tệ nhằm ngăn ngừa biến động quá mức của lãi suất liên ngân hàng.

**Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 2. Hành lang lãi suất**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn**

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 21/09/26       | 28/09/26     | 7             | 42.52              | 4.50         |
| 22/09/26       | 29/09/26     | 7             | 3.78               | 4.50         |
| 25/09/26       | 2/10/26      | 7             | 0.37               | 4.50         |
| Tổng           |              | 7             | 46.67              |              |

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 4. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành**

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 21/09/26       | 5/10/26      | 14            | 10.26              | 4.50         |
| 22/09/26       | 6/10/26      | 14            | 2.13               | 4.50         |
| 23/09/26       | 7/10/26      | 14            | 0.10               | 4.50         |
| 25/09/26       | 9/10/26      | 14            | 0.34               | 4.50         |
| Tổng           |              | 14            | 12.83              |              |

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 21/09/26       | 26/10/26     | 35            | 3.91               | 4.50         |
| 23/09/26       | 28/10/26     | 35            | 0.98               | 4.50         |
| 24/09/26       | 29/10/26     | 35            | 0.53               | 4.50         |
| 25/09/26       | 30/10/26     | 35            | 1.99               | 4.50         |
| Tổng           |              | 35            | 7.41               |              |

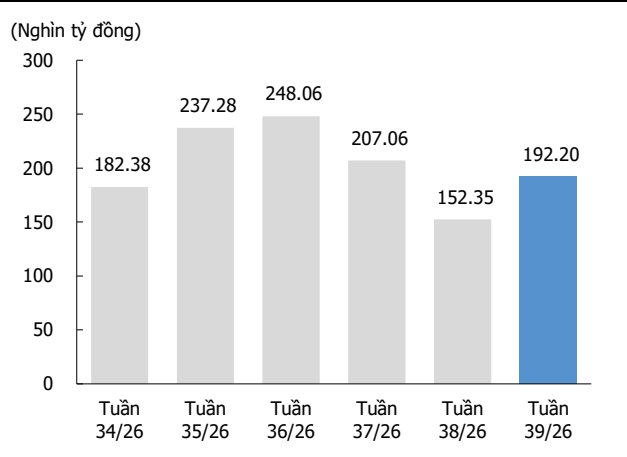
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 21/09/26       | 21-Dec-26    | 91            | 0.38               | 4.50         |
| 23/09/26       | 23-Dec-26    | 91            | 0.17               | 4.50         |
| 24/09/26       | 24-Dec-26    | 91            | 0.07               | 4.50         |
| 25/09/26       | 25-Dec-26    | 91            | 0.05               | 4.50         |
| Tổng           |              | 91            | 0.66               |              |

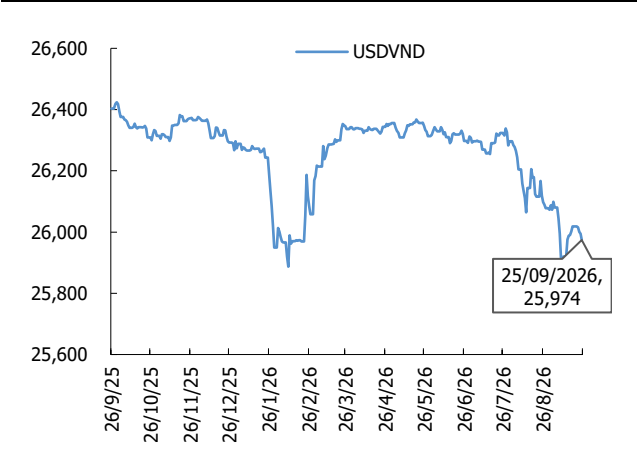
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Diễn biến USDVND



Nguồn: NHNN, KIS

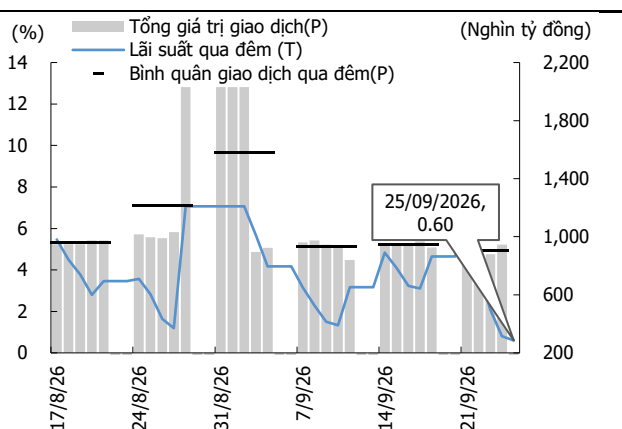
## II. Lãi suất liên ngân hàng phân hóa

**Lãi suất liên ngân hàng diễn biến trái chiều giữa các kỳ hạn khi các biện pháp hỗ trợ thanh khoản của NHNN giải tỏa áp lực vốn**

Trong tuần 39/2026, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận diễn biến trái chiều trên toàn bộ đường cong lợi suất. Ở các kỳ hạn rất ngắn, lãi suất qua đêm (ON), 2 tuần (2W) và 3 tháng (3M) giảm lần lượt 405 đcb, 30 đcb và 20 đcb so với tuần trước (WoW) xuống còn 0.60%, 5.25% và 7.40%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) và 1 tháng (1M) tăng lần lượt 20 đcb và 25 đcb lên 4.80% và 6.20%, trong khi các kỳ hạn khác duy trì không đổi so với tuần trước. Song song với đó, hoạt động thị trường hạ nhiệt khi giá trị giao dịch bình quân ngày thu hẹp 4.37% so với tuần trước xuống còn 906.11 nghìn tỷ đồng.

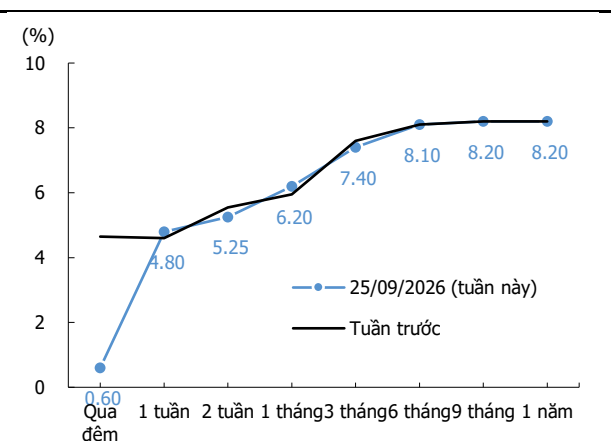
Những biến động này xác nhận rằng thanh khoản của hệ thống ngân hàng đã ổn định trở lại đáng kể sau khi NHNN triển khai các biện pháp hỗ trợ thanh khoản quyết liệt vào đầu tuần nhằm giải tỏa căng thẳng nguồn vốn. Hướng về phía trước, chúng tôi kỳ vọng lãi suất liên ngân hàng sẽ dao động quanh mặt bằng hiện tại khi thanh khoản hệ thống duy trì trạng thái cân bằng.

**Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng**



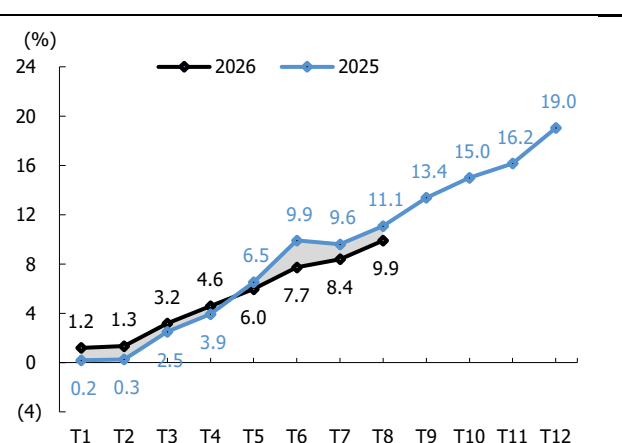
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

**Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng**



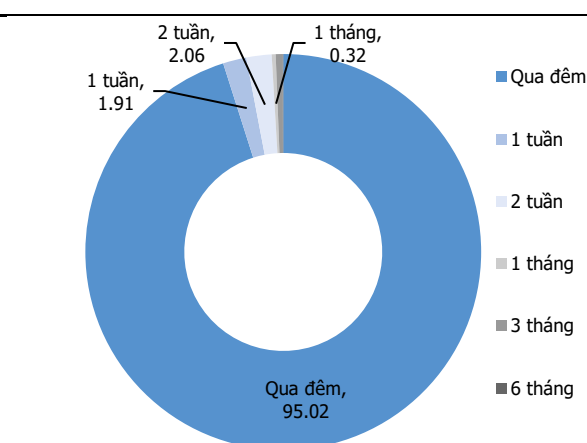
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

**Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng**



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN  
Chú thích: Cập nhật đến ngày 20/8/2026

**Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc**



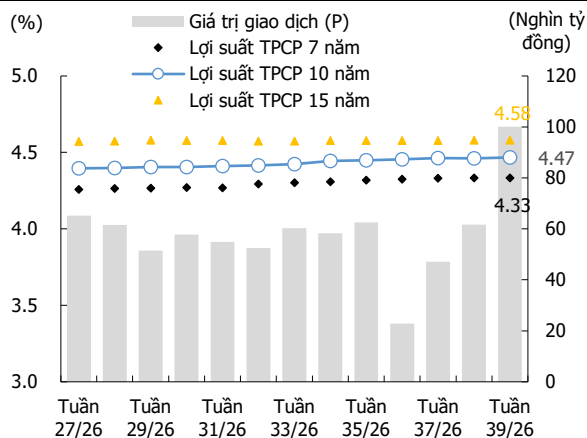
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

### III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ duy trì ổn định

**Lợi suất TPCP phần lớn đi ngang trong khi giá trị giao dịch thiết lập các mức đỉnh mới**

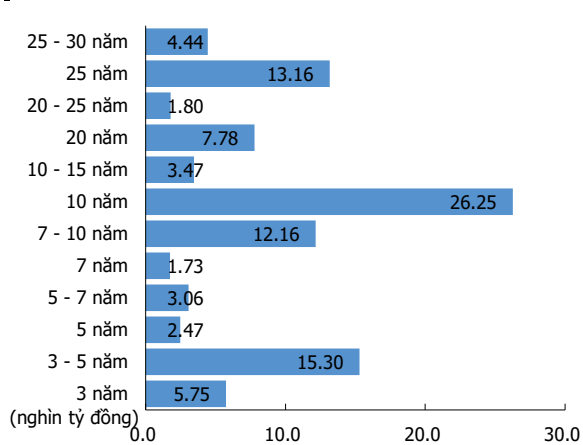
Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP duy trì tương đối ổn định ở các kỳ hạn chủ chốt trong tuần 39/2026. Đối với các kỳ hạn giao dịch sôi động, lợi suất chuẩn kỳ hạn 10 năm dao động quanh mức 4.47%, hầu như không đổi so với tuần trước. Trong khi đó, thanh khoản trên thị trường thứ cấp mở rộng mạnh mẽ, với tổng giá trị giao dịch tăng vọt 62.19% so với tuần trước lên mức 100.05 nghìn tỷ đồng, đạt bình quân 20.01 nghìn tỷ đồng mỗi phiên.

**Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần**



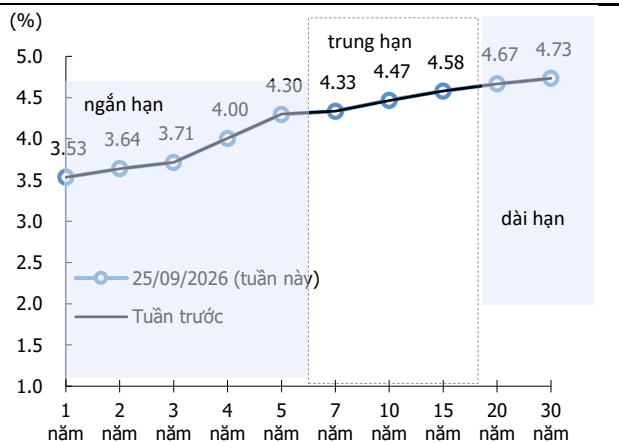
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn**



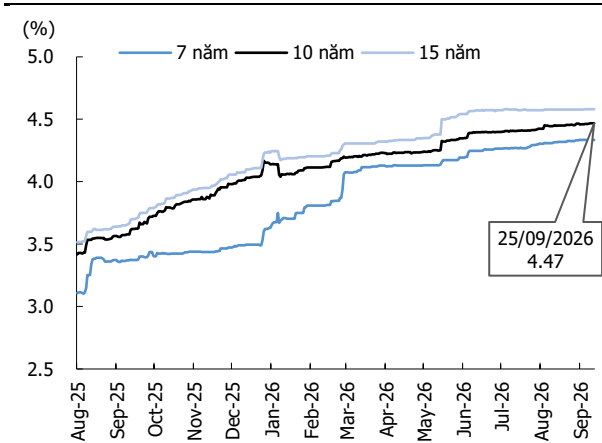
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 15: Đường cong lợi suất TPCP**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

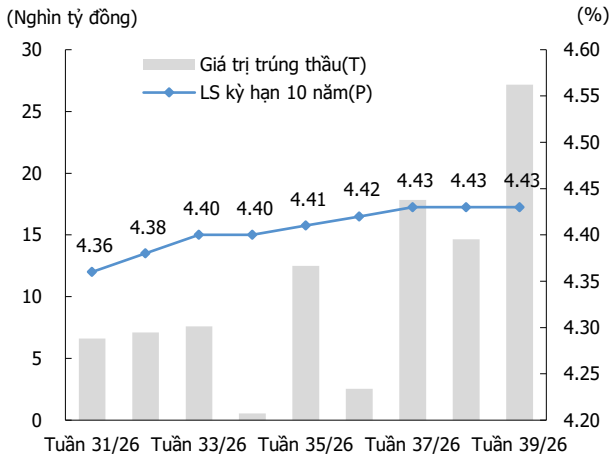
**Hình 16: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

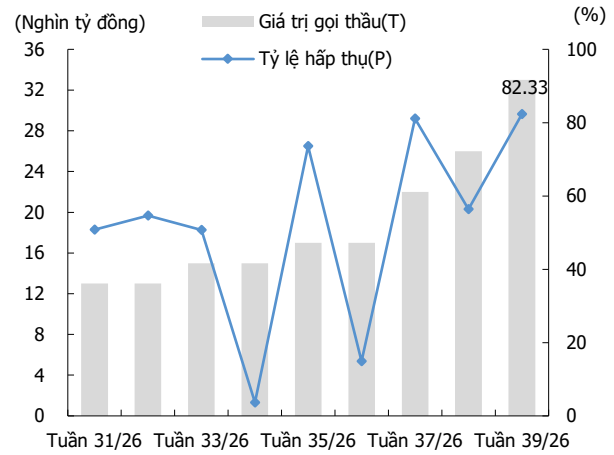
Trên thị trường sơ cấp, hoạt động đấu thầu phục hồi tích cực với sự tham gia sôi nổi của thị trường. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 27.17 nghìn tỷ đồng trong tuần này, tăng 85.44% so với tuần trước. Kỳ hạn 10 năm tiếp tục là động lực chính dẫn dắt giá trị phát hành, với lợi suất trúng thầu duy trì vững chắc ở mức 4.43%. Sau tuần giao dịch bùng nổ này, tiến độ phát hành lũy kế tiếp tục nói rộng khoảng cách vượt trước so với năm ngoái, đưa tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2026 của KBNN tính từ đầu năm đến nay lên 58.2%, vượt xa mức 51.14% ghi nhận cùng kỳ năm trước.

**Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần**



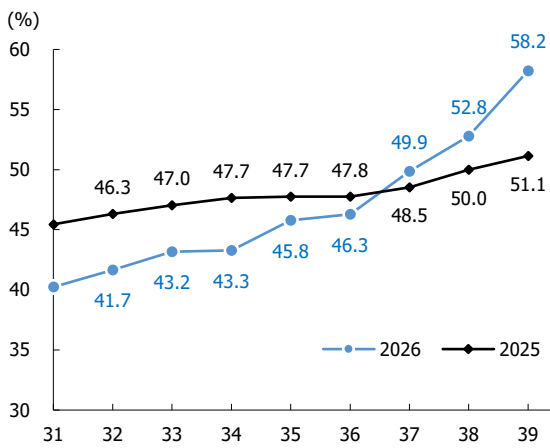
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần**



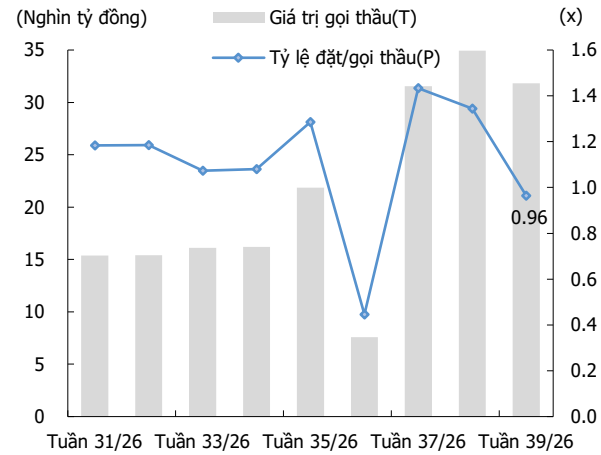
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm**



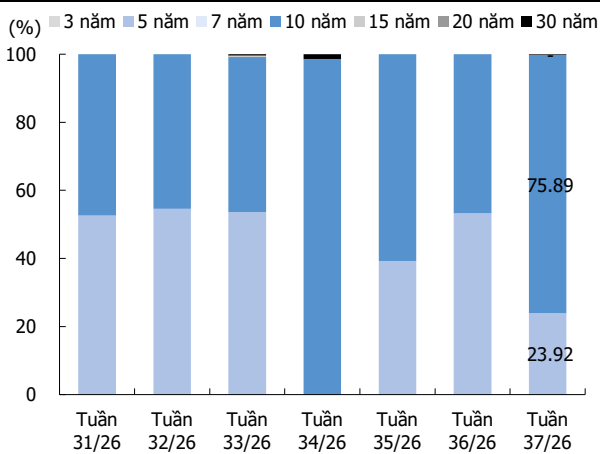
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần**



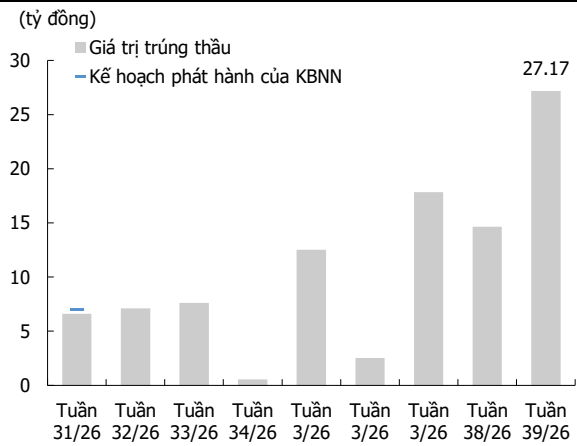
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần**



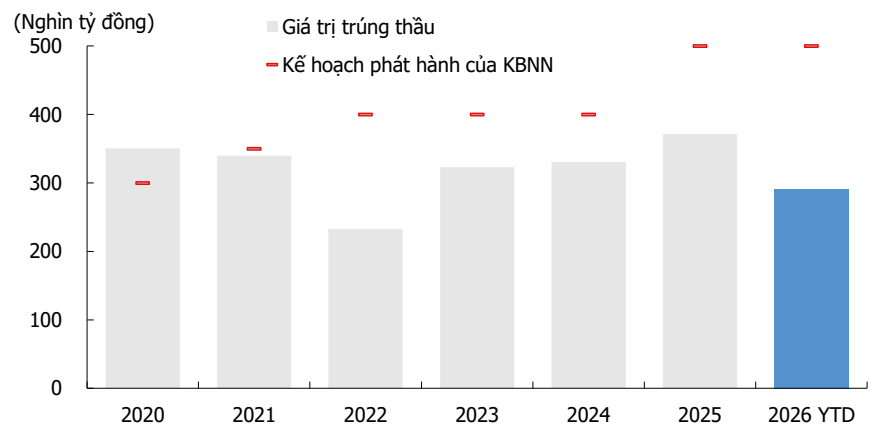
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng tuần**



Nguồn: HNX, KIS

**Hình 23. Lượng TPCP phát hành hàng năm**



Nguồn: HNX, KIS

## IV. Tỷ giá USDVND hạ nhiệt

**Tỷ giá USDVND trong nước lùi về dưới mốc 26,000 khi chênh lệch lãi suất VND-USD duy trì ở mức cao bù đắp áp lực tăng giá**

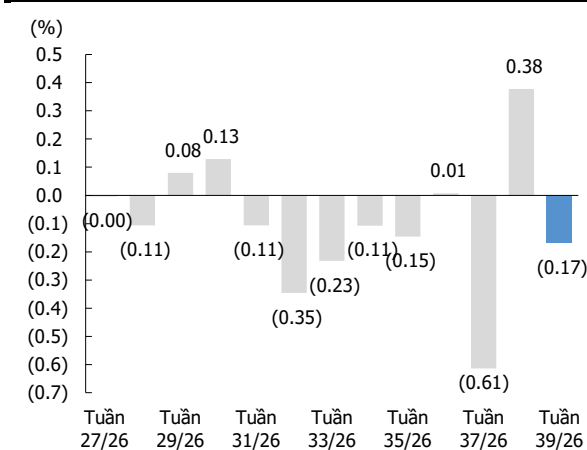
Trong tuần này, tỷ giá USDVND trong nước nhích giảm bất chấp các yếu tố bất lợi từ thị trường quốc tế, đưa chỉ số DXY tăng lên mức 101.0, tương ứng tăng 0.75% so với tuần trước.

Trên thế giới, đồng bạc xanh duy trì đà tăng mạnh mẽ nhờ những phát biểu mang tính thắt chặt từ các quan chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cho thấy việc tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ vẫn là cần thiết, qua đó giữ xác suất ngụ ý thị trường về khả năng Fed tăng lãi suất trong tháng 10 ở mức gần 70%. Trong khi đó, lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ dài hạn dao động gần các mức đỉnh lịch sử, và thị trường dầu thô trải qua biến động mạnh trước những tuyên bố ngoại giao thay đổi liên tục giữa Washington và Tehran, cùng việc gia hạn thỏa thuận ngừng bắn thương mại song phương Mỹ - Trung đến tháng 1 năm 2027.

Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm nhẹ 0.17% (tương đương 44 đồng) so với tuần trước xuống đóng cửa ở mức 25,974, lùi về dưới ngưỡng tâm lý quan trọng 26,000. Tỷ giá chịu áp lực tăng trong tuần từ việc nguồn cung tiền đồng mở rộng sau các biện pháp hỗ trợ thanh khoản của NHNN, đà mạnh lên của đồng USD quốc tế, cùng áp lực bán ròng của khối ngoại với giá trị 2.87 nghìn tỷ đồng trên sàn HoSE (chiếm 3.6% tổng giá trị giao dịch tuần của toàn sàn). Tuy nhiên, mức chênh lệch lãi suất VND-USD dương đáng kể đã củng cố sức hấp dẫn của đồng nội tệ, tạo áp lực kéo giảm tỷ giá trong tuần.

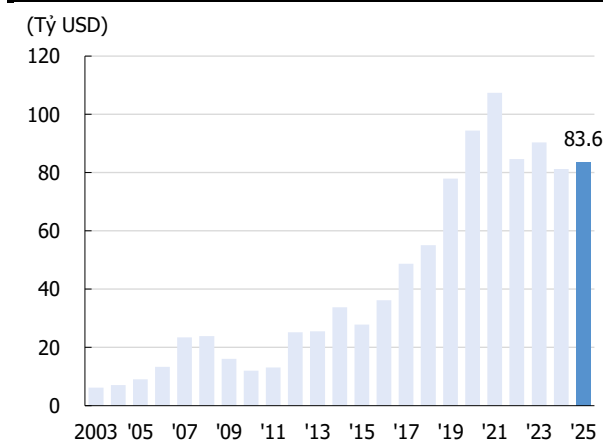
Trên thị trường bán lẻ, diễn biến ghi nhận sự phân hóa giữa các kênh: giá bán ra tại Vietcombank giảm 0.15% (tương đương 40 đồng) xuống mức 26,170, trong khi tỷ giá trên thị trường tự do nhích tăng 0.19% (tương đương 50 đồng) lên đóng cửa tại 25,930.

**Hình 24: Diễn biến của USDVND theo tuần**



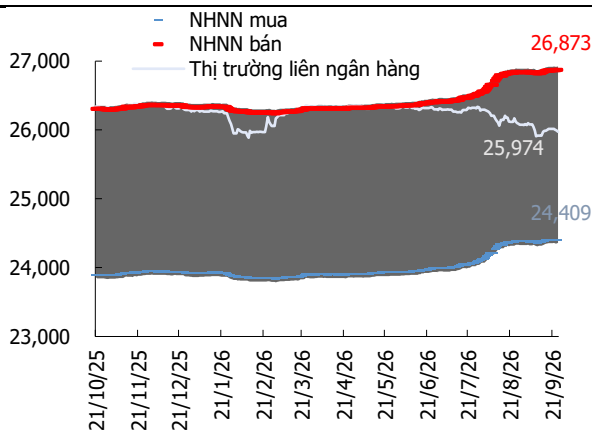
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 25: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam**



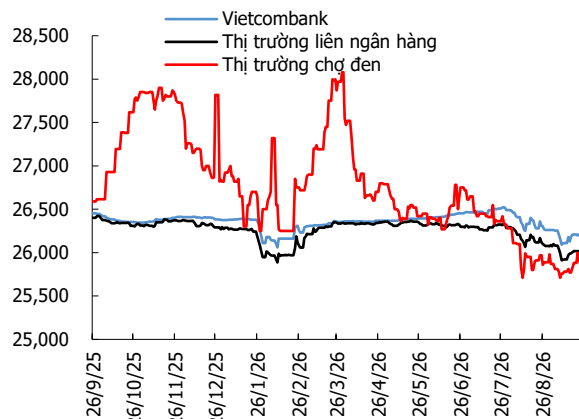
Nguồn: IMF, Bloomberg, KIS

Hình 26: Diễn biến giao dịch của NHNN



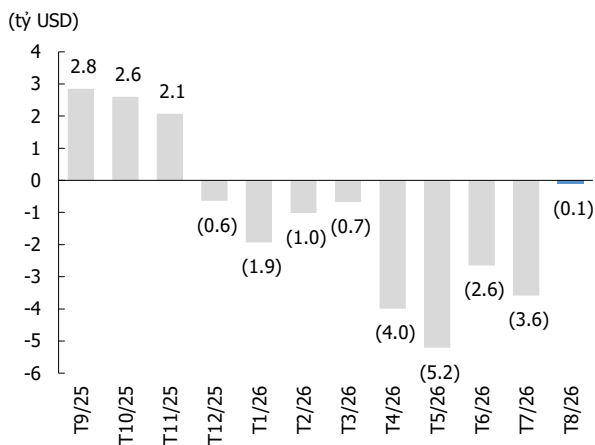
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 27: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



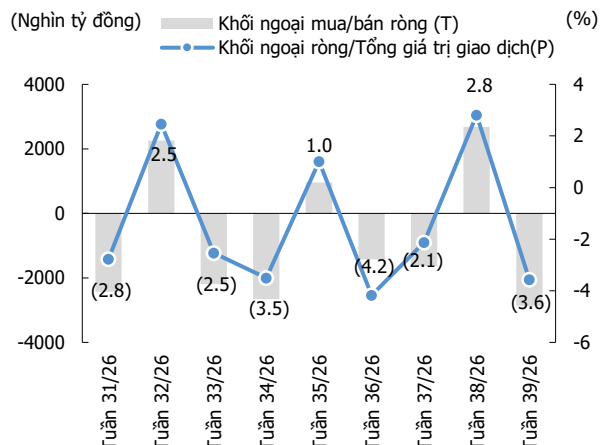
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 28: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



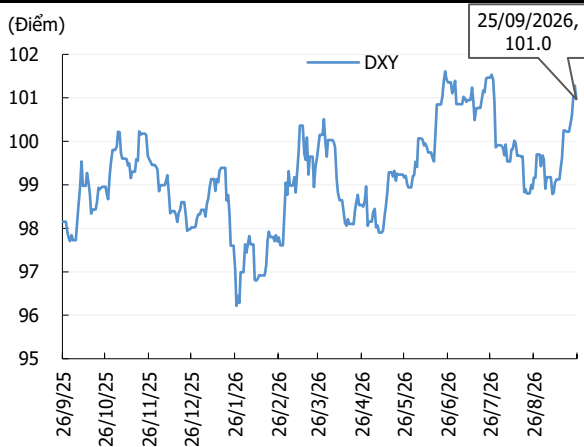
Nguồn: GSO, KIS  
Chú thích: Cập nhật đến ngày 06/07/2026

Hình 29: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 30: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 31: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

|            |                 | 37W26 | 38W26 | 39W26 | 2026 YTD |
|------------|-----------------|-------|-------|-------|----------|
| Trung Quốc | USDCNY          | -0.06 | -0.14 | 0.23  | -3.94    |
| EU         | USDEUR          | 0.13  | 0.98  | 0.83  | 3.11     |
| Mexico     | USDMXN          | 0.48  | 1.55  | 2.63  | -14.84   |
| Việt Nam   | USDVND          | -0.61 | 0.38  | -0.17 | -1.14    |
| Canada     | USDCNY          | 0.25  | 0.84  | 1.11  | -1.97    |
| Thượng Hải | USDTWD          | 0.03  | 0.47  | -0.02 | -3.32    |
| Nhật Bản   | USDJPY          | -1.70 | 2.13  | 0.25  | 0.53     |
| Hàn Quốc   | USDKRW          | -0.67 | 3.30  | -2.04 | -5.64    |
| Thái Lan   | USDTHB          | 0.32  | 0.86  | 0.10  | 5.89     |
| DXY        | Chỉ số đồng USD | -0.05 | 1.11  | 0.75  | 2.69     |

Nguồn: SBV, Bloomberg  
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

**Thống kê vĩ mô**

|                          | T4-26  | T5-26  | T6-26  | T7-26  | T8-26  | 2Q25   | 3Q25   | 4Q25   | 1Q26   | 2022   | 2023   | 2024   | 2025   |
|--------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tăng GDP thực (%)        |        |        |        |        |        | 8.16   | 8.25   | 8.46   | 7.83   | 8.54   | 4.98   | 7.04   | 8.02   |
| FDI đăng ký (USD bn)     | 3.04   | 6.57   | 9.84   | 3.41   | 2.57   | 10.54  | 7.02   | 9.88   | 15.20  | 27.72  | 36.61  | 38.23  | 38.42  |
| GDP bình quân (USD)      |        |        |        |        |        |        |        |        |        | 4,110  | 4,285  | 4,700  | 5,026  |
| Tỷ lệ thất nghiệp (%)    |        |        |        |        |        | 2.22   | 2.21   | 2.22   | 2.21   | 2.32   | 2.26   | 2.24   | 2.22   |
| Xuất khẩu (tỷ USD)       | 45.99  | 46.93  | 50.79  | 53.08  | 54.79  | 110.62 | 118.38 | 126.3  | 122.93 | 371.85 | 355.5  | 405.5  | 475.0  |
| Nhập khẩu (tỷ USD)       | 49.98  | 52.14  | 53.43  | 56.67  | 54.91  | 118.83 | 120.19 | 123.1  | 126.57 | 360.65 | 327.5  | 380.8  | 455.01 |
| Tăng trưởng XK (%)       | 22.81  | 18.52  | 28.09  | 24.98  | 26.01  | 10.62  | 18.38  | 19.96  | 19.08  | 10.61  | -4.4   | 14.3   | 17.00  |
| Tăng trưởng NK (%)       | 35.56  | 33.54  | 45.19  | 41.42  | 37.90  | 18.83  | 20.19  | 21.28  | 27.00  | 8.35   | -8.9   | 16.7   | 19.40  |
| Lạm phát (%)             | 5.46   | 5.60   | 4.69   | 4.45   | 4.89   | 3.31   | 3.27   | 3.44   | 3.51   | 3.15   | 3.25   | 3.63   | 3.31   |
| USD/VND                  | 26,353 | 26,313 | 26,312 | 26,296 | 26,078 | 26,121 | 26,427 | 26,296 | 26,342 | 23,650 | 23,784 | 25,386 | 26,296 |
| Tăng trưởng tín dụng (%) | 18.25  | 18.23  | 16.70  | 17.07  | 16.59  | 19.22  | 20.10  | 19.07  | 15.88  | 14.2   | 13.7   | 13.8   | 17.87  |
| TPCP 10 năm (%)          | 4.37   | 4.46   | 4.52   | 4.54   | 4.57   | 3.34   | 3.76   | 4.19   | 4.36   | 5.08   | 2.39   | 2.94   | 4.19   |

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

#### **VIET NAM**

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)  
KIS Vietnam Securities Corporation  
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.  
Fax: 8428 3821-6898

#### **SOUTH KOREA**

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)  
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)  
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea  
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320  
Fax: 822 3276 5681~3  
Telex: K2296

#### **NEW YORK**

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)  
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)  
Korea Investment & Securities America, Inc.  
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110  
New York, NY 10019  
Fax: 1 212 314 0699

#### **HONG KONG**

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)  
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.  
Suite 2220, Jardine House  
1 Connaught Place, Central, Hong Kong  
Fax: 852-2530-1516

#### **SINGAPORE**

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)  
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)  
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd  
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place  
Singapore 048616  
Fax: 65 6501 5617

#### **LONDON**

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)  
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.  
2nd Floor, 35-39 Moorgate  
London EC2R 6AR  
Fax: 44-207-236-4811

---

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.